

Số: 1012/QĐ - CNPC

Thái Nguyên, ngày 27 tháng 10 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp

Gói cung cấp: Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông

GIÁM ĐỐC CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGẠN - TKV

Căn cứ Quyết định số 127/QĐ-ĐLTKV ngày 03/02/2016 của Hội đồng Quản trị Tổng công ty Điện lực - TKV về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV;

Căn cứ Quyết định số 353/QĐ-ĐLTKV ngày 15/02/2024 của Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành Quy định về LCNCC hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty Điện lực - TKV;

Căn cứ Văn bản số 2125/KH-CNPC ngày 31/12/2025 của Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV về việc Ban hành Kế hoạch điều hành sản xuất kinh doanh năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 08/6/2026 của Tổng Công ty Điện lực - TKV về việc Giao/thông các chỉ tiêu chủ yếu KHSXKD năm 2026;

Căn cứ Phương án số 100/PA-KTAT ngày 06/10/2026 của phòng Kỹ thuật - An toàn về việc Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông;

Xét đề nghị của Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự toán gói cung cấp “Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông” với những nội dung chính như sau:

1. Nội dung công việc: Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông (Chi tiết như phụ lục 01 đính kèm).

2. Giá trị dự toán (đã bao gồm thuế VAT) là: 70.813.497 đồng
(Bằng chữ: Bảy mươi triệu, tám trăm mười ba nghìn, bốn trăm chín mươi bảy đồng)

Điều 2. Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà cung cấp gói cung cấp “Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông”.

(Chi tiết như phụ lục 02 đính kèm).

Điều 3. Các ông (bà) Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ có liên quan của Công ty theo chức năng nhiệm vụ căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- PGĐ (e-copy);
- Phòng KTTC, KHĐTVT, KTAT;
- Lưu: VT, THL(4)

GIÁM ĐỐC



Vũ Phú Cường

PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP GIÁ TRỊ DỰ TOÁN

Gói cung cấp: Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông

(Kèm theo Quyết định số: 1012 /QĐ-CNPC, ngày 09 tháng 10 năm 2026)

TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị dự toán (VNĐ)
I	Chi phí trực tiếp	T	VL+ NC+ M	57.168.811
1	Chi phí vật liệu	VL	Bảng chi tiết dự toán	942.500
2	Chi phí nhân công	NC	Bảng chi tiết dự toán	44.663.443
3	Chi phí máy và thiết bị thi công	M	Bảng chi tiết dự toán	11.562.868
II	Chi phí gián tiếp	GT	C+TT	4.687.843
1	Chi phí chung	C	T x 6,2%	3.544.466
2	Chi phí một số công việc không xác định được khối lượng từ thiết kế	TT	T x 2,0%	1.143.376
III	Thu nhập chịu thuế tính trước	TL	(T+GT) x 6%	3.711.399
	Chi phí xây dựng trước thuế	G	(T+GT+TL)	65.568.053
IV	Thuế giá trị gia tăng	GTGT	G x 8%	5.245.444
	Chi phí xây dựng sau thuế	G_{XD}	G+GTGT	70.813.497
	Bằng chữ: Bảy mươi triệu, tám trăm mười ba nghìn, bốn trăm chín mươi bảy đồng./.			

BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN
Gói cung cấp: Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông

STT	MHDM	NỘI DUNG CÔNG VIỆC	ĐVT	Khối lượng	ĐƠN GIÁ			THÀNH TIỀN		
					Vật liệu	Nhân công	Máy	Vật liệu	Nhân công	Máy
I	Thiết bị , vật tư, dụng cụ thi công									
1	HĐ 266/2025	Bao tải dừa	Cái	50	8 000			400 000		
2	HĐ 22/2026	Dây thép buộc Φ1	kg	5	28 500			142 500		
3	TT	Cây hóp tươi làm sào chống, ĐK gốc Ø55-Ø70, dài 5-6m	Cây	10	40 000			400 000		
II	Đào, xả bùn đất, nạo vét bùn									
1	Vận dụng 404/QĐ-SXD	Đào, xả lượng đất cứng sát cửa vào hồ bơm số 1	Công	3		253 309			759 927	
2	Vận dụng TN2.111.10	Nạo vét, hút bùn bên trong trạm bơm	m3	180		63 327	19 610		11 398 905	3 529 817
3	Vận dụng TN2.211.10	Nạo vét, hút bùn bên ngoài trạm bơm	m3	400		81 262	20 083		32 504 611	8 033 051
		Tổng cộng						942 500	44 663 443	11 562 868



BẢNG PHÂN TÍCH ĐƠN GIÁ

Gói cung cấp: Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông

TT	MHĐM	Tên công việc	ĐVT	Khối lượng định mức	Hệ số	Đơn giá	Thành tiền (đồng)
		Tên vật tư					
I	Thiết bị , vật tư, dụng cụ thi công						
1	HĐ 266/2025	Bao tải dứa	Cái	1,00		8 000	8 000
2	HĐ 22/2026	Dây thép buộc Φ1	kg	1,00		28 500	28 500
3	TT	Cây hóp tươi làm sào chống, ĐK gốc Ø55- Ø70, dài 5-6m	Cây	1,00		40 000	40 000
II	Đào, xả bùn đất, nạo vét bùn						
1	Đào, xả lượng đất cứng sát cửa vào hồ bơm số 1		Công	Công			
	Vận dụng	B. Nhân công:					<u>253 309</u>
	404/QĐ-SXD	Nhân công nhóm 1	công	1,00	1,0	253.309	253 309
2	Nạo vét, hút bùn bên trong trạm bơm		m3	1m3			
		B. Nhân công:					<u>63 327</u>
		Nhân công nhóm 1	công	0,25	1,0	253.309	63 327
		C. Ca máy:	m3				<u>19 610</u>
	Vận dụng TN2.111.10	Ca (Vận dụng chi phí ca máy bơm nạo vét bùn Evergush Efd - 75T 7.5HP, tính bằng 60% chi phí ca máy theo định mức)	ca	0,083	0,6	393.777	19 610
3	Nạo vét, hút bùn bên ngoài trạm bơm		m3	1m3			
		B. Nhân công:					<u>81 262</u>
		Nhân công nhóm 1 (Tính bằng 80% chi phí nhân công theo định mức)	công	0,401	0,8	253.309	81 262
		C. Ca máy	m3				<u>20 083</u>
	Vận dụng TN2.211.10	Ca (Vận dụng chi phí ca máy bơm nạo vét bùn Evergush Efd - 75T 7.5HP, tính bằng 60% chi phí ca máy theo định mức)	ca	0,085	0,6	393.777	20 083

PHỤ LỤC 02: BẢNG TỔNG HỢP PHẦN CÔNG VIỆC THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ CUNG CẤP

(Kèm theo Quyết định số: 1012 /QĐ-CNPC, ngày 09 tháng 10 năm 2026)

STT	Tên chủ đầu	Tên gói cung cấp		Giá gói cung cấp (đồng)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà cung cấp	Phương thức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà cung cấp	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói cung cấp	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói cung cấp	Tóm tắt công việc chính của gói cung cấp									
1	Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn - TKV	Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông	Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông	70.813.497	Chi phí SXKD năm 2026	Ký hợp đồng trực tiếp		15 ngày	Tháng 10/2026	Theo đơn giá cố định	30 ngày kể từ ngày bàn giao mặt bằng	Không



TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CAO NGUYÊN - TKV
THUYẾT MINH DỰ TOÁN

Gói cung cấp: Hút bùn khu vực trạm bơm bờ sông

Cơ sở lập dự toán:

- 1/ Khối lượng: Căn cứ Phương án số 100/PA-KTAT ngày 06/10/2026 của Phòng Kỹ thuật - An toàn;
- 2/ Tổng hợp dự toán: Thông tư số 36/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung, phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng, (hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026).
- 3/ Định mức: Thông tư số 38/2026/TT-BXD ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng, (hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026), Quyết định số 37/QĐ-BXD ngày 17/01/2025 V/v Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thoát nước đô thị.
- 4/ Giá vật tư: Giá tham khảo trên websize và tại thị trường Thái Nguyên thời điểm lập dự toán, Hợp đồng số 226/2025/HĐSXKD-CN ngày 10/12/2025, số 22/2026/HĐSXKD-CN ngày 06/02/2026;
- 5/ Chế độ lương: Quyết định số 404/QĐ-SXD ngày 02/7/2026 Công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Mức lương đầu vào để xác định đơn giá nhân công xây dựng (LNC) TP Thái Nguyên được tính theo đơn giá nhân công thực hiện công việc theo nhóm.
- 6/ Máy thi công: Thông tư số: 37/2026/TT-BXD, ngày 26/6/2026 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn phương pháp xác định định mức dự toán và các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật, (hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026). Quyết định số 534/QĐ-SXD ngày 31/12/2025 (giá điện =2204,0655 đ/kw)

